

Bản án số: 397/2025/HS-PT

Ngày 02 tháng 6 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 và ngày 02 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 821/2023/TLPT-HS ngày 18 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Duy Đức T6 và Mạc Văn H3 do có kháng cáo của các bị cáo Duy Đức T6 và Mạc Văn H3 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2023/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. Duy Đức T6 (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 03/5/1974, tại Hà Nội; Hộ khẩu thường trú: Số A P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số I N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: Đại học; Con ông: Duy V, sinh năm 1935 và bà: Trần Thị B, sinh năm 1937; gia đình bị cáo có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; có vợ Vũ Thị Thu H (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án khác ngày 18/4/2023 (có mặt tại điểm cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

2. Mạc Văn H3 (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 10/01/1971, tại Hải Dương; Nơi cư trú: Tổ A, ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt

Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Thạc sỹ; Con ông: Nguyễn Anh Đ (đã chết ngày 18/5/2025) và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1939; gia đình bị cáo có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Có vợ Đỗ Thị G, sinh năm 1978 và 02 con (lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2006); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại điểm cầu Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo T6: Ông Phạm Văn V1 là Luật sư của Văn phòng L2 và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt tại điểm cầu Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ: Số F đường số G, Khu đô thị V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2020, Duy Đức T6 là Phó Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn M (nhà máy tại địa chỉ Tổ A, Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) gặp và quen biết Mạc Văn H3 thời gian này là cán bộ Cục Thuế tỉnh Đ. Ngày 31/12/2020 và G2 T6 nhận được từ email quatantansuu@gmail.com (của người không rõ họ tên, địa chỉ) gửi vào email mjapparelvn@gmail.com của T6 01 file nén “NVCONG 2020.rar” chứa tài liệu đính kèm có 11 file dữ liệu; 01 file word “VU AN NGUYEN VAN CONG CTDNAI 2020.doc”. Trong mục tài liệu đính kèm có file “3-NVC chạy lí lịch sạch.bmp” là Thông báo mật số 113-TB/ĐUK ngày 20/7/2012 (gọi tắt là Văn bản mật số 113-TB/ĐUK) của Đảng ủy Khối Dân chính Đảng tỉnh Đ (nay là Đảng ủy Khối Các Cơ quan tỉnh Đồng Nai) về lịch sử chính trị của gia đình ông Nguyễn Văn V2 (Trưởng phòng Thanh tra 3 Cục Thuế tỉnh Đ) và ông Nguyễn Văn C là anh vợ ông V2, chức vụ Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đ.

Cùng thời gian này, T6 và H3 có mâu thuẫn trong công việc với ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn V2 nên sau khi nhận được các tài liệu, Văn bản mật số 113-TB/ĐUK từ email quatantansuu@gmail.com T6 đã đọc và nói cho Mạc Văn H3 biết, đồng thời ngày 24/01/2021, T6 gửi cho H3 bằng cách chuyển tiếp các tài liệu, Văn bản mật số 113-TB/ĐUK từ email quatantansuu@gmail.com đến email mvhien608@gmail.com của H3, nhưng H3 không mở được các file nén trên máy tính cá nhân nên ngày 13/4/2021, T6 gửi lại các tài liệu, văn bản và Thông báo mật số 113-TB/ĐUK ngày 20/7/2012 của Đảng ủy Khối Dân chính Đảng tỉnh

Đồng Nai từ email quatantansuu@gmail.com đến Zalo tên “Ths Mạc Văn H3” số điện thoại 0913412939 của H3.

Ngoài ra, Duy Đức T6 đã gửi Văn bản mật số 113-TB/ĐUK cho nhiều người khác không có thẩm quyền được biết, cụ thể:

Ngày 22/5/2022, T6 sử dụng email mjapparelvn@gmail.com của mình gửi đến email quangfdi@gmail.com cho Phạm Hoàng Q (sinh ngày 15/7/1967, nơi cư trú 124/25 Tổ A, Khu phố B, đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) làm việc tại Phòng Khiếu tố thuộc Cục Thuế tỉnh Đ các tài liệu, văn bản và Văn bản mật số 113-TB/ĐUK.

Tiếp đó, T6 sử dụng tài khoản Zalo tên Duy Đức T6, số điện thoại 0912.000.888 gửi hình ảnh, nội dung Văn bản mật số 113-TB/ĐUK đến: Tài khoản Zalo tên Hùng T1, số điện thoại 0981095678 của Trần Văn H1 (sinh ngày 25/5/1982, nơi cư trú B501 Chung cư B T, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh) làm việc tại B2 vào các ngày 18/8/2021, 15/9/2021, 21/10/2021, 25/10/2021; tài khoản Zalo tên Hoạch Thanh T2, số điện thoại 0913108161 của Bùi Đình H2 (sinh ngày 09/02/1971, nơi cư trú 253/7 Khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) làm việc tại Thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh Đ vào ngày 12/9/2021; tài khoản Zalo tên ĐN Phong Thuế, số điện thoại 0913982777 của Nguyễn Quốc P (sinh ngày 17/12/1978 nơi cư trú D4 khu quy hoạch nhà ở H, Tổ H, khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) làm việc tại Cục Thuế tỉnh Đ vào ngày 22/9/2021.

Đối với Mạc Văn H3 sau khi nhận được Văn bản mật số 113-TB/ĐUK do T6 gửi biết là tài liệu mật nên H3 chuyển tiếp vào Zalo tên Mạc H3, số điện thoại 0913688511 và email mvhien608@gmail.com để lưu trữ. Sau đó, H3 sử dụng tài khoản Zalo tên Ths Mạc Văn H3, số điện thoại 0913412939 gửi đến: Tài khoản Zalo tên Nguyễn An T3, số điện thoại 0913940636 của Nguyễn An T3 (sinh ngày 15/6/1966, nơi cư trú 124B Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) làm việc tại Cục Thuế tỉnh Đ vào ngày 26/5/2021; tài khoản Zalo tên Hop T4, số điện thoại 0783801146 của Tô Thị H4 (sinh ngày 12/6/1978, nơi cư trú Khu phố B, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) làm việc tại phòng An ninh Chính trị nội bộ, Công an tỉnh Đ vào ngày 26/5/2021; tài khoản Zalo tên Tuấn B1, số điện thoại 0903782004 của Trần Ngọc T5 (sinh ngày 30/12/1979, nơi cư trú G Quốc lộ A, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) làm việc tại B2 vào ngày 05/6/2021; tài khoản Zalo tên Hồ Minh S, số điện thoại 0919999368 của Hồ Minh S (sinh ngày 10/8/1972, nơi cư trú 12-B3-10 KP S, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) làm việc tại V3 vào ngày 08/6/2021; tài khoản Zalo tên Lê Đức P1, số điện thoại 0948753079 của Lê Đức P1 (sinh ngày 03/02/1975,

nơi cư trú 139/134 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) làm việc tại Tạp chí Doanh nghiệp và Tiếp thị vào ngày 08/6/2021. Riêng ông P1 sau khi nhận file word từ H3 có tiêu đề “Đồng Nai - Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đ bị tố cáo lý lịch không trong sạch, trù dập người tố cáo” kèm theo Văn bản Mật 113 đã gửi cho bà Bùi Thị Ngọc D - Phóng viên Tạp chí Doanh nghiệp và Tiếp thị để đăng bài, bà D kiểm tra và gửi lại cho ông Hồ Minh S để đăng bài, sau đó ông Lê Đức P1 thông báo việc ông H3 nêu phức tạp nên ông S xóa bài đăng trên, đồng thời cả ông S, bà D và ông P1 đã xóa các file đã nhận, gửi qua zalo.

Ngày 18/6/2021, Công an tỉnh Đ nhận được nguồn tin Văn bản mật số 113-TB/ĐUK ngày 20/7/2012 của Đảng ủy Khối Dân chính Đảng tỉnh Đ bị lộ, kết quả xác minh, điều tra Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ thu giữ của:

Duy Đức T6: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng có số IMEI: 358986/07/451017/1, Model: SM-J320H/DS có gắn 02 sim điện thoại (không xác định số thuê bao); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu vàng, số sê-ri G6TZK1BZN70P, IMEI 353896104407154, mật khẩu “159357”, màn hình bị nứt; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus màu vàng, số sê-ri F2LSP0UGHFY4, IMEI 35917107794423; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus màu vàng, số seri: C39QN8NFGRXG; IMEI: 35330107082771 gắn sim điện thoại số 0366999998; 01 (một) thẻ sinh viên Trường Đại học L3 mang tên Duy Đức T6; 01 (một) giấy phép lái xe số 990031991939 mang tên Duy Đức T6; 01 (một) giấy ra vào khu vực bảo vệ; 01 (một) thẻ nhựa “APEC Business Travel Card Name Duy Đức T6”; 01 (một) giấy giới thiệu cộng tác viên mang tên Duy Đức T6 ngày 01/8/2012 của B3; 01 (một) giấy giới thiệu cộng tác viên B3 mang tên Duy Đ1 Tuấn ngày 01/12/2017; 01 (một) thẻ cộng tác viên B3 mang tên Duy Đ1 Tuấn ngày 01/01/2017; 01 (một) thẻ màu trắng có chữ “ROOM 606”; 01 (một) thẻ ghi thông tin KS Duy Đức T6 - Giám đốc Công ty TNHH N; 01 (một) thẻ ghi thông tin Phóng viên Duy Đức T6 - Phó Ban Truyền thông Thời báo Văn học nghệ thuật; 01 (một) thẻ “UNISEM”; 01 (một) tập giấy bìa xanh có chữ “Điều lệ công ty cổ phần Đ2” được đánh số thứ tự từ 1 đến 39 trên từng tờ; 22 (hai mươi hai) tờ tài liệu được đánh số thứ tự từ 1 đến 22; 01 (một) quyển sổ bìa xanh được đánh số trang từ 1 đến 140 trên từng tờ; 01 (một) quyển tập bìa màu nâu được đánh số từ 1 đến 36 trên từng tờ; 405 (bốn trăm lẻ năm) tờ tài liệu được đánh số thứ tự từ 01 đến 405; 25 (hai mươi lăm) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 01 (một) USB hiệu ADATA màu đen cam; 01 (một) USB hiệu CENTON; 01 (một) USB hiệu APACER màu đen; 01 (một) USB hiệu SANDISK màu đen 2GB; 01 (một) USB không rõ nhãn hiệu, màu kim loại; 01 (một) USB hiệu KINGSTON, 16GB màu trắng; 01 (một) dấu cao su “Công ty cổ

phần Đ3”; 01 (một) dấu cao su “Công ty cổ phần Đ3”; 05 (năm) miếng giấy có hình dấu đỏ của Công ty cổ phần Đ3; 01 (một) máy tính laptop hiệu DELL XPS có số S/N: 9HDBWF2; 01 (một) đầu thu ghi camera; 01 (một) USB hiệu CUSIGLE màu bạc; 01 (một) tập tài liệu, trong đó có 01 bản Văn bản mật 113; 01 (một) thùng CPU màu đen trên vỏ có dòng chữ “SAMA”.

Mạc Văn H3: 01 (một) điện thoại Iphone 5s màu trắng, số sê-ri DX4SG46QFRC5, số IMEI 355674073275896; 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6s màu trắng hồng, số sê-ri F17RPBVRGRYF, IMEI 35856807111209; 01 (một) máy tính xách tay màu đen, hiệu HP, kiểu máy Compaq 510, số sê-ri CNU0053M8P, model CPQ510UT5870Q4X320NRBNCN22Fa; 01 (một) USB màu xanh, hiệu Kingston, không rõ số hiệu, dung lượng 4GB; 06 (sáu) bản sao (bản photocopy hình dấu màu đen) Văn bản mật 113; 11 (mười một) tập tài liệu; 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy J7 Pr, số kiểu máy: SM J730G/DS; 05 (năm) USB; 02 (hai) thẻ nhớ; 01 (một) laptop hiệu ASUS, số SN: LCNOCX24K859539.

Kết luận giám định số 538/C09B ngày 25/01/2022 của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ C1 tại Thành phố Hồ Chí Minh 04 Văn bản mật 113 (thu của Duy Đức T6 03 bản, thu của Mạc Văn H3 01 bản) xác định: 04 Văn bản số 113-TB/ĐUK “Về việc thông báo lịch sử chính trị gia đình đồng chí Nguyễn Văn V2”, đề ngày 20 tháng 7 năm 2012 cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 là có nguồn gốc từ tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3.

Kết luận giám định số 5603/KL-KTHS ngày 17/10/2022 của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ C1 tại Thành phố Hồ Chí Minh về 07 Văn bản số 113-TB/ĐUK ngày 20/7/2012 thu giữ khi khám xét nơi ở của Duy Đức T6 (01 bản), Mạc Văn H3 (06 bản) xác định: 07 Văn bản số 113-TB/ĐUK “Về việc thông báo lịch sử chính trị gia đình đồng chí Nguyễn Văn V2”, đề ngày 20 tháng 7 năm 2012 cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 là có nguồn gốc xuất phát từ cùng 01 văn bản.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2023/HS-ST ngày 18/8/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

1. Về áp dụng pháp luật: Áp dụng khoản 1 Điều 337, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Duy Đức T6, Mạc Văn H3 phạm tội “Cố ý làm lộ bí mật Nhà nước”.

3. Về hình phạt:

Xử phạt các bị cáo:

Duy Đức T6 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2023.

Mạc Văn H3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/8/2023 bị cáo Mạc Văn H3 có đơn kháng cáo kêu oan. Ngày 07/3/2024 bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và có đơn xin hưởng án treo. Ngày 30/4/2025 và ngày 09/5/2025 bị cáo Mạc Văn H3 có đơn kháng cáo kêu oan. Ngày 28 tháng 5 năm 2025 bị cáo có đơn thừa nhận hành vi phạm tội và xin hưởng án treo.

Ngày 21/8/2023 bị cáo Duy Đức T6 kháng cáo kêu oan, đề nghị tuyên bị cáo vô tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Duy Đức T6, Mạc Văn H3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Duy Đức T6, Mạc Văn H3 có đơn kháng cáo kêu oan. Về thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến.

Xét kháng cáo của các bị cáo: Về nội dung của Bản án sơ thẩm thì các bị cáo đã được nhận Bản án sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã công bố nội dung của Bản án sơ thẩm. Vì vậy, Viện kiểm sát không nhắc lại nội dung của Bản án sơ thẩm. Về kháng cáo của các bị cáo:

Đối với bị cáo Duy Đức T6 kháng cáo kêu oan, cho rằng khi bị cáo nhận được Văn bản mật số 113-TB/ĐUK của Đảng ủy Khối Dân chính Đảng tỉnh Đ (nay là Đảng ủy Khối Các Cơ quan tỉnh Đồng Nai) bằng máy tính. Bị cáo không nhận thức được là Văn bản “Mật” nên đã gửi cho một số người khác không có thẩm quyền được biết. Mặc dù, bị cáo T6 không thuộc đối tượng cán bộ làm việc trong ngành Thuế; trong cả file đính kèm với Đơn tố cáo của ông Phan Tiến D1 nên dựa vào nội dung đơn đó tường thuật lại với Cơ quan chức năng. Tại thời điểm khởi tố, văn bản này không còn là đối tượng được bảo mật. Trong quá trình xử lý việc để lọt văn bản “Mật” liên quan tới cán bộ, công chức của Cục Thuế tỉnh Đ. Bị cáo cho rằng không công bằng, không khách quan khi bị cáo bị xét xử. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tuyên bị cáo vô tội.

Đối với kháng cáo kêu oan của bị cáo Mạc Văn H3: Luật sư bào chữa cho bị cáo với lý do rằng theo Kết luận điều tra số 14 (Kết luận điều tra của Cục A Điều tra ngày 13/12/2012) đã xác định bị rò rỉ Văn bản “Mật” số 113-TB/ĐUK bằng máy scan và được đăng tải trên mạng nội bộ của Cục Thuế tỉnh Đ (gồm 15 phòng, 19 đầu mối và 08 cán bộ/lãnh đạo đã tiếp nhận văn bản này). Căn cứ sơ bộ theo

Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 03/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục bí mật Nhà nước của Đảng, bị cáo nhận được file dữ liệu Văn bản số 113-TB/ĐUK ngày 20/7/2012 từ tài khoản Zalo của T6. Bị cáo không biết đây là văn bản mật nên đã sử dụng tài khoản Zalo của mình gửi nội dung văn bản cho nhiều người khác không có thẩm quyền được biết. Sau đó, bị cáo xem nội dung cùng một số người thì mới để ý văn bản có con dấu mật nên đã trình báo với Tỉnh ủy Đ4 nhưng không được Cơ quan An ninh điều tra ghi nhận.

Như vậy, căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: do mâu thuẫn với ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn V2 trong việc truy thuế công ty của bị cáo 6,4 tỷ đồng. Sau khi nhận được Văn bản có đóng dấu mật số 113-TB/ĐUK ngày 20/7/2012 của Đảng ủy Khối Dân chính Đảng tỉnh Đồng Nai từ tài khoản email quatanansuu@gmail.com (của người không rõ họ tên, địa chỉ) gửi vào email mjapparelvn@gmail.com của T6. Lợi dụng các trang mạng xã hội Zalo và G1, từ ngày 24/01/2021 đến ngày 25/10/2021, bị cáo T6 đã gửi văn bản cho Mạc Văn H3, Phạm Hoàng Q, Trần Văn H1, Bùi Đình H2, Nguyễn Quốc P và bị cáo H3 gửi cho Nguyễn An T3, Tô Thị H4, Hồ Minh S, Lê Đức P1, Trần Ngọc T5 để đăng báo, phát tán nhằm bôi nhọ, hạ bệ uy tín của ông C, ông V2. Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình gây nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý hành chính Nhà nước, trực tiếp xâm phạm đến chế độ, quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước trên lĩnh vực chính trị, an ninh, xâm phạm sự an toàn của những tin tức Nhà nước chưa công bố hoặc không công bố, đe dọa sự ổn định của chế độ, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các bị cáo có trình độ học vấn đủ nhận thức để biết được văn bản mật, ngay trên văn bản có đóng dấu rõ chữ “Mật” nên việc các bị cáo trình bày không biết đó là văn bản mật là không hợp lý. Các bị cáo biết rõ Văn bản mật số 113-TB/ĐUK ngày 20/7/2012 của Đảng ủy Khối Dân chính Đảng tỉnh Đồng Nai là bí mật Nhà nước nhưng vẫn dùng các trang mạng xã hội Zalo, G1 để gửi cho người khác biết. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý làm lộ bí mật Nhà nước theo khoản 1 Điều 337 BLHS 2015. Việc các bị cáo cho rằng không cố ý phạm tội như nội dung kháng cáo là không có căn cứ. Theo đó, các cơ quan ở cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo với tội Cố ý làm lộ bí mật Nhà nước tại Bản án số 114/2023/HS-ST ngày 18/8/2023 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Đối với hành vi của ông Nguyễn Quốc H5 - nguyên Cục trưởng, ông Nguyễn Văn L - Phó Trưởng phòng hành chính, các ông (bà) Nguyễn Xuân D2, Lê Minh T7, Bùi Thị Thu H6, Nguyễn Ngọc H7 và 205 cán bộ, nhân viên Cục Thuế tỉnh Đ, các ông bà Lê Đức P1, Bùi Thị Ngọc D, Hồ Minh S, Phạm Hoàng Q, Trần Văn H1, Bùi Đình H2, Nguyễn Quốc P, Nguyễn An T3, Tô Thị H4, Trần Ngọc T5 và

đối tượng dùng tài khoản thư điện tử quatanansuu@gmail.com, Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung 02 lần để làm rõ hành vi, trách nhiệm của họ trong vụ án. Kết quả điều tra bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã kết luận như sau: Đối với hành vi làm lộ bí mật Nhà nước của ông Nguyễn Quốc H5 - nguyên Cục trưởng, ông Nguyễn Văn L - Phó Trưởng phòng hành chính, các ông (bà) Nguyễn Xuân D2, Lê Minh T7, Bùi Thị Thu H6, Nguyễn Ngọc H7 đều là cán bộ Cục Thuế tỉnh Đ và những người có liên quan tại Cục Thuế tỉnh Đ xảy ra ngày 01/8/2012 đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm điểm, xem xét trách nhiệm theo quy định là phù hợp. Đối với người sử dụng tài khoản thư điện tử quatanansuu@gmail.com (không rõ họ tên, địa chỉ) và 17 nhân viên của Cục Thuế tỉnh Đ đã nghỉ chưa làm việc được; hành vi của Lê Đức P1, Bùi Thị Ngọc D, Hồ Minh S Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ tách ra tiếp tục xác minh làm rõ và đề nghị xử lý sau.

Trong quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm, các bị cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh mình vô tội. Xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo và giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Duy Đức T6, bị cáo Mạc Văn H3 và y án sơ thẩm đã tuyên về phần hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Duy Đức T6 trình bày: Qua phần thẩm tra xét hỏi và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, quan điểm trình bày của luật sư là không đồng ý với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát.

1/ Đối với hồ sơ vụ án: Ông xác định không có Kết luận giám định tư pháp về nội dung Văn bản số 113-TB/ĐUK ngày 20/7/2012 là bí mật Nhà nước. Theo Quyết định khởi tố vụ án số 19 ngày 14/02/2022 của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ thì căn cứ kiến nghị khởi tố của Phòng An ninh điều tra viện dẫn Văn bản số 589/CT-ĐUK ngày 13/7/2021 của Đảng ủy Khối Dân chính Đảng tỉnh Đồng Nai và Kết luận Văn bản số 113 là Văn bản “Mật”, thời hạn bảo mật đến ngày 20/7/2022. Theo Kết luận điều tra vụ án số 14 ngày 13/10/2022 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ (tại bút lục 964 đến 972) thì căn cứ vào Văn bản số 687/A03-P9 ngày 17/02/2022 của Cục A - Bộ C1 xác định nội dung Văn bản số 113 là Văn bản “Mật” thuộc bí mật Nhà nước, thời hạn bảo mật là 10 năm. Tuy nhiên, qua quá trình kiểm tra tài liệu, chứng cứ: tại danh mục thống kê tài liệu trong hồ sơ vụ án Cố ý làm lộ bí mật Nhà nước, ông không thấy có liệt kê Văn bản số 589/CT-ĐUK và Văn bản số 687/A03-P9 nêu trên mà kết luận điều tra làm căn cứ để khởi tố vụ án.

2/ Đối với Cáo trạng số 5483 ngày 11/11/2022 và Bản án sơ thẩm số 114/2023/HS-ST: Ngày 18/8/2023, TAND tỉnh Đồng Nai xác định Văn bản số 113 là bí mật Nhà nước dựa trên văn bản có dấu mật. Ông cho rằng nhận định này không đúng với khoản 1 Điều 10 Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước 2018. Thực tế, ông có rất nhiều thư mời làm việc và tài liệu trên đó có dấu “Mật”. Nếu nhận định như Toà án cấp sơ thẩm thì tất cả các tài liệu, thư mời làm việc đều là bí mật, nhưng các thư mời này không phải là tài liệu bí mật theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 22 Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước quy định bí mật Nhà nước đã được giải mật là đã xoá bỏ độ mật. Do đó, trong trường hợp này Văn bản số 113 đã được giải mật, dù hình thức văn bản có đóng dấu mật nhưng đã được giải mật thì không thể xem là văn bản “Mật” được. Ông cho rằng nhận định của Cáo trạng và Bản án sơ thẩm là không phù hợp với quy định của pháp luật về bảo mật.

3/ Qua xem xét nội dung Văn bản số 113-TB/ĐUK ngày 20/7/2012 việc thay đổi kết luận về tiêu chuẩn chính trị của đồng chí Nguyễn Văn V2, mặc dù tài liệu thể hiện vấn đề mâu thuẫn giữa ông Duy Đức T6 với ông Nguyễn Văn V2 và ông Nguyễn Văn C. Nếu giữa 3 người này có mối quan hệ cá nhân thì nên xem xét mâu thuẫn mang tính chất cá nhân, còn đây là văn bản mật mang tính chất bí mật Nhà nước.

Kể từ ngày 03/11/2020, ngày mà Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục bí mật Nhà nước của Đảng có hiệu lực thì Văn bản số 113-TB/ĐUK không nằm trong danh mục bí mật Nhà nước được bảo mật. Như vậy, có cơ sở xác định rằng trong vụ án Cố ý làm lộ bí mật Nhà nước, không có căn cứ nào chứng minh Văn bản số 113-TB/ĐUK ngày 20/7/2012 là bí mật Nhà nước tại thời điểm Duy Đức T6 và Mạc Văn H3 phát tán. Vì vậy, ông cho rằng chưa đủ cơ sở để buộc tội các bị cáo về tội “Cố ý làm lộ bí mật Nhà nước”. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát cho rằng có giám định, tuy nhiên khi xem xét lại tài liệu tại bút lục 975 thì đây không phải là Kết luận giám định Văn bản số 113 có phải là tài liệu mật hay không, mà chỉ là giám định về mẫu vật, xem các tài liệu phát tán có cùng nguồn hay không. Do đó, ông không đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với tài liệu này.

4/ Đại diện Viện kiểm sát cho rằng những người liên quan khác trong vụ án này đã hết thời hiệu truy cứu (nếu có). Căn cứ theo quy định của pháp luật về tội “Vô ý làm lộ bí mật Nhà nước” tại Điều 338 BLHS 2015, ông cho rằng ông Nguyễn Quốc H5, ông Nguyễn Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm và không hết thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, ông cho rằng Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đ không khách quan trong vụ án này. Từ những cơ sở trên, ông kính mong Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm làm rõ trách nhiệm của ông

Nguyễn Quốc H5, ông Nguyễn Văn L trong vụ án này và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 118 của TAND tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo T6 trình bày: Đồng ý với quan điểm trình bày của Luật sư, bổ sung thêm: Theo Quyết định số 407 ban hành quy chế công tác văn thư, lưu trữ bảo mật và Quyết định số 31 ngày 16/11/2018 về quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bị cáo khẳng định ngày 20/7/2012 Văn bản 113 bị lộ chưa ban hành quy chế bảo mật. Ngày 30/12/2016 Cục T ban hành quy chế văn thư bảo mật. Tỉnh Đồng Nai năm 2018 ban hành Văn bản số 51 ban hành quy chế bảo mật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra, bị cáo nhiều lần làm Đơn khiếu nại gửi cho Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đều không được giải quyết. Ông Nguyễn Quốc H5, ông Nguyễn Văn L và một số người liên quan trong vụ án này không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra, VKSND tỉnh Đồng Nai để điều tra bổ sung, xử lý hành vi phạm tội của các ông bà H5, L, D2, H6, H7, S, P1, D vì đã làm lộ văn bản bảo mật trên.

Bị cáo H3 trình bày: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét lại những ý kiến của Luật sư, bị cáo đồng quan điểm với Luật sư và bị cáo T6. Bị cáo kêu oan.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia tranh luận: Tại phiên tòa hôm nay, Luật sư đưa ra 04 quan điểm:

1/ Quan điểm 1: Hồ sơ không có Kết luận giám định về Văn bản số 113, căn cứ vào các công văn của Cơ quan An ninh điều tra để xác định văn bản mật không có tài liệu trong hồ sơ. Việc thẩm định văn bản: Kết luận giám định số 538 của P2 Bộ C1 tại TP H xác định 04 Văn bản mật 113 (thu được của bị cáo T6 03 bản, thu được của bị cáo H3 01 bản) có nguồn gốc từ văn bản mật, có nghĩa là các bị cáo lấy văn bản này từ văn bản gốc và các văn bản thu giữ được của bị cáo được coi như là văn bản gốc. Cơ quan An ninh điều tra đã thẩm định thời hạn giải mật và đến ngày 20/7/2022 mới hết thời hạn bảo mật.

2/ Quan điểm 2: Cáo trạng trong hồ sơ điều tra nói rằng Văn bản số 113 là Văn bản mật do có đánh dấu “Mật” và các tài liệu, thư mời làm việc của phía Luật sư có dấu “Mật” thì đương nhiên là văn bản mật. Nhận định này của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát là không đúng, điều này sẽ tranh luận với Luật sư sau. Không phải là văn bản nào cũng có dấu “Mật”, mỗi văn bản đều có nội dung khác nhau. Đối với tài liệu đã đóng dấu “Mật” thì sử dụng tài liệu đó theo quy định bảo mật. Việc các thư mời làm việc có đánh dấu “Mật” thì đều có mục đích riêng của người phát hành văn bản, không muốn cho người khác biết là đối tượng nào đã được mời lên làm việc, đồng thời đối tượng đó phải giữ kín nội dung làm việc.

3/ Quan điểm 3: Luật sư cho rằng Văn bản số 113 không còn được bảo mật tại thời điểm phát tán. Cơ quan An ninh điều tra đã thẩm định thời hạn giải mật và đến ngày 20/7/2022 mới hết thời hạn bảo mật. Thời điểm các bị cáo phát tán vẫn nằm trong thời hạn 10 năm bảo mật văn bản.

4/ Quan điểm 4: Việc kết luận hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông H5, ông L1. Theo Luật sư là chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông H5, ông L1. Nếu có ý kiến về vấn đề này, Luật sư có thể cung cấp các tài liệu không hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự cho Hội đồng xét xử để Hội đồng xét xử xem xét. Luật sư cho rằng Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ không khách quan, công tư trong quá trình giải quyết vụ án; Luật sư có thể cung cấp các tài liệu chứng minh để Hội đồng xét xử xem xét.

Quan điểm của Viện kiểm sát tranh luận với Luật sư: Với đề nghị trả lại hồ sơ cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai của Luật sư là không cần thiết vì đã điều tra khách quan, đầy đủ.

5/ Đối với bị cáo T6 cho rằng Cơ quan điều tra không xử lý những người liên quan khác: Tại Kết luận điều tra của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ đã làm việc với 133/208 người liên quan đang công tác tại Cục Thuế tỉnh Đ. Những người này đã xác nhận không quan tâm đến Văn bản mật số 113 và không phát tán cho bất kỳ ai. Những người còn lại (75/208 người) đã nghỉ hưu, chuyển công tác; Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ đã làm việc được với 5/75 người nêu trên, trong đó có 01 người bị bệnh nặng và 04 người còn lại xác nhận không phát tán cho bất kỳ ai. Hiện tại còn 70 người Cục Thuế tỉnh Đ chưa cung cấp được thông tin nên Cơ quan điều tra tỉnh Đồng Nai chưa có cơ sở để xác minh làm việc tiếp. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra tỉnh Đồng Nai vẫn tiếp tục điều tra và làm việc.

Luật sư V1 trình bày: Đối với Văn bản số 589 và số 687, 02 tài liệu mà Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát căn cứ vào để có cơ sở truy tố trong vụ án này thì không có trong danh mục liệt kê tài liệu hồ sơ vụ án. Kết luận giám định số 5603/KL-KTHS ngày 17/10/2022 của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ C1 tại Thành phố Hồ Chí Minh (tại bút lục 905) thì xác định đây là kết luận giám định mẫu vật. Đại diện Viện kiểm sát cho rằng đối với các tài liệu, thư mời làm việc có đánh dấu “Mật” đều phù hợp. Theo quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 10, khoản 1, 2 Điều 22 Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước có danh mục tài liệu thuộc đối tượng cần được bảo mật chứ không phải bất kỳ tài liệu nào có đánh dấu “Mật” là văn bản mật. Ông không đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Đối với vấn đề không khách quan, không công tư thể hiện rất rõ: Nếu tháng 7/2015, ông H5 và ông L đã không tuân thủ quy định bảo vệ bí mật Nhà nước thì căn cứ theo quy định của pháp luật là chưa hết thời hiệu xử lý vi phạm. Là những người hiểu

biết về pháp luật, mặc nhiên ông không cần phải đưa ra chứng cứ. Hành vi không công tư, không khách quan được thể hiện ở việc chỉ buộc tội ông T6, ông H3 nhưng không xử lý những người còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày: Bảo lưu ý kiến đã nêu.

Bị cáo H3 không có ý kiến.

Bị cáo T6 ý kiến: Bị cáo chưa được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xem xét bị cáo có thời gian công tác xã hội. Năm 2020, 2021, 2022 bị cáo có công tác cứu trợ ở Bắc Giang, có nuôi các cháu. Bị cáo trình bày không có tài liệu chứng minh vì bị cáo đang bị giam. Bố vợ bị cáo là thương binh ở với bị cáo. Cấp sơ thẩm xét xử không khách quan. Bị cáo chưa được xem xét, tố tụng có vi phạm, phiên tòa xử công khai, sau đó xử kín. Lãnh đạo Cục T và người đăng báo không bị xử lý, bị cáo bị xử lý, bị cáo lấy tài liệu trên mạng. Hội đồng xét xử xem xét trả hồ sơ, hủy án sơ thẩm, xét xử cho công minh, bị cáo không nhận thức văn bản có giá trị pháp lý hay không, bị cáo hỏi Thanh tra tỉnh Đồng Nai và Ủy ban K, giấy mời bị cáo cũng đóng dấu “Mật”. Hội đồng xem xét giải oan cho bị cáo để bị cáo sớm trở về gia đình chăm sóc mẹ già, con nhỏ. Văn bản photo bị cáo không lấy từ văn bản gốc, truy tố bị cáo quá nặng, người đứng đầu xử lý hành chính. Bị cáo biết mà cố tình vi phạm thì bị cáo nhận tội, Hội đồng xét xử đã giải thích pháp luật, bị cáo đã hiểu, bị cáo không có ngoan cố, nếu bị cáo không có tội thì minh oan cho bị cáo.

Bị cáo H3 trình bày: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét những ý kiến của Luật sư, bị cáo đã nêu trong đơn và tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa ngày 02/6/2025,

Bị cáo T6 ý kiến: Bị cáo có gửi đơn ngày 29/5/2025, Trại giam gửi, mong Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh và án phạt. Bị cáo nhìn nhận văn bản bị lộ, các cán bộ không chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, chuyển bị cáo sang tội danh khác, tội vô ý làm lộ bí mật Nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày: Tại phiên tòa ngày 26/5/2025, đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu quan điểm. Bị cáo H3 có đơn thay đổi nội dung kháng cáo, từ kháng cáo kêu oan xin giảm nhẹ hình phạt, án treo. Cha bị cáo mới mất. Đối với kháng cáo của bị cáo H3, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo T6 chối tội cho rằng không phạm tội, tại phiên tòa hôm nay, bị cáo loay quanh sau đó xin giảm nhẹ hình phạt, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án tại phiên tòa sơ thẩm.

Bị cáo T6 ý kiến: Bị cáo bị hạn chế nhận thức, trong đơn bị cáo xin xem xét tội danh và hình phạt. Bị cáo sơ suất không tìm hiểu văn bản đó là văn bản pháp

luật của Nhà nước, bị cáo không chối tội, bị cáo không nhận thức đầy đủ. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã nhận thức hành vi là sai, từ khi khởi tố, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn. Bị cáo xin Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, bị cáo là Phó Giám đốc, nuôi các cháu tàn tật, khó khăn. Năm 2020, 2021 bị cáo đi cứu trợ có hình ảnh trên Zalo, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ gia đình có công cách mạng, áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 54, Điều 29 Bộ luật Hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo H3 trình bày: Bị cáo nhận thức hành vi sai, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo T6 ý kiến: Bị cáo nhận thức hành vi là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật, nhận mức án thấp nhất về chăm sóc mẹ già, hoàn thành trách nhiệm người cha. Do nhận thức của bị cáo không đầy đủ, bị cáo có 02 án chồng nhau, cho bị cáo được miễn hình phạt hoặc cho bị cáo hưởng án treo cũng là bài học lớn trong cuộc đời của bị cáo. Bị cáo muốn tiếp tục được làm việc tại Trung tâm N1, nuôi dạy các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình về việc nhận được văn bản mật, chuyển văn bản mật cho người khác.

Do mâu thuẫn với ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn V2 trong việc Công ty của T6 bị truy thu thuế 6,4 tỷ và quá trình công tác tại Cục Thuế tỉnh Đ, H3 bị trù dập, gây khó khăn trong công tác nên sau khi nhận được Văn bản có đóng dấu “Mật” số 113-TB/ĐUK ngày 20/7/2012 của Đảng ủy Khối Dân chính Đảng tỉnh Đồng Nai từ tài khoản email quatanansuu@gmail.com (của người không rõ họ tên, địa chỉ) gửi vào email mjapparelvn@gmail.com của T6. Từ ngày 24/01/2021 đến ngày 25/10/2021, lợi dụng các trang mạng xã hội như Zalo và G1, Duy Đức T6 đã gửi cho Mạc Văn H3, Phạm Hoàng Q, Trần Văn H1, Bùi Đình H2, Nguyễn Quốc P và Mạc Văn H3 gửi cho Nguyễn An T3, Tô Thị H4, Hồ Minh S, Lê Đức P1, Trần Ngọc T5 để đăng báo, bôi nhọ, hạ bệ uy tín của ông C, ông V2.

Tuy nhiên, các bị cáo cho rằng không nhận thức được Văn bản “Mật” số 113-TB/ĐUK ngày 20/7/2012 là văn bản mật và văn bản trên đã được Cơ quan

Thuế đăng trên 19 đầu mối, được đăng tải trên mạng nội bộ của Cục Thuế tỉnh Đ, các cán bộ, nhân viên Cục T đều biết nên nó không còn là văn bản mật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi là sai, xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Duy Đức T6 và Mạc Văn H3 và đề nghị của người bào chữa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Duy Đức T6, Mạc Văn H3 về tội “Cố ý làm lộ bí mật Nhà nước” theo khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

[3.2] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ, quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước trên lĩnh vực chính trị, an ninh, xâm phạm sự an toàn của những tin tức Nhà nước chưa công bố hoặc không công bố, ảnh hưởng đến hoạt động quản lý hành chính Nhà nước, đe dọa sự ổn định chính trị của chế độ, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bị cáo T6 và H3 nhận được tài liệu trong đó có Văn bản mật 113. T6 và H3 biết Văn bản mật 113 là tài liệu mật nhưng vẫn chuyển văn bản mật này cho nhiều người khác để phục vụ cho mục đích cá nhân của mình.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự.

Văn bản mật 113 đến ngày 20/7/2022 đã hết thời hạn bảo quản, cho đến ngày 14/02/2022 Cơ quan điều tra mới khởi tố vụ án và ngày 14/9/2022 mới khởi tố bị can. Tài liệu mật này trước đó đã được chuyển đến 19 đầu mối, được đăng tải trên mạng nội bộ của Cục Thuế tỉnh Đ và 205 cán bộ, nhân viên của Cục T có quyền truy cập, xem văn bản này. Bảo vệ bí mật Nhà nước hiện nay đang được đề cao nên hành vi của các bị cáo phải xử lý. Do tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cho xã hội như đã phân tích, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá và có mức hình phạt phù hợp. Bị cáo Mạc Văn H3 có đơn ngày 07/3/2024 và ngày 28/5/2025 nhận thức hành vi là sai trái, xin được hưởng án treo.

Bị cáo H3 quá trình công tác tại Cục Thuế tỉnh Đ được tặng thưởng nhiều giấy khen. Bị cáo H3 cung cấp Giấy khen của Cục Thuế tỉnh Đ đã đạt thành tích trong công tác thuế năm 2018, Giấy khen của Cục Thuế tỉnh Đ đã đạt thành tích trong phong trào thi đua năm 2004, 2005, Giấy khen của Ủy ban nhân dân huyện

L đã hoàn thành tốt công tác trong phong trào thi đua năm 2005, Kỷ niệm chương của Bộ trưởng Bộ T8 đã có thành tích góp phần xây dựng và phát triển ngành tài chính Việt Nam năm 2014, 2018. Bị cáo Mạc Văn H3 có đơn ngày 07/3/2024 và ngày 28/5/2025 nhận thức hành vi là sai trái, xin được hưởng án treo. Bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, cha bị cáo mới qua đời ngày 18/5/2025. Do nhận thức pháp luật hạn chế nên trước đây bị cáo cho rằng mình bị oan nhưng nay nhận thức rõ hành vi của mình là phạm tội, xin cơ hội để sửa chữa sai lầm. Theo quy định tại Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo H3 bị xử phạt tù không quá 03 năm. Ngoài lần phạm tội này thì bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, nơi làm việc. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Từ lúc tại ngoại đến nay, bị cáo H3 không có vi phạm pháp luật, chứng tỏ bị cáo thật sự ăn năn, hối cải, có thể tự cải tạo bản thân. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo H3 ra khỏi xã hội mà giao bị cáo H3 cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo T6, ngoài hành vi phạm tội này, bị cáo còn bị Công an thành phố H khởi tố vụ án “Cưỡng đoạt tài sản” và bị xét xử. Tại phiên toà ngày 02/6/2025, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội xin Hội đồng xét xử xem xét và Luật sư của bị cáo có cung cấp giấy tờ thể hiện gia đình có công với Cách mạng, ba vợ bị cáo là thương binh và có Huân chương kháng chiến hạng 3. Do có tình tiết mới nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo T6, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

[3.3] Đối với hành vi của ông Nguyễn Quốc H5 - Nguyên Cục trưởng, ông Nguyễn Văn L - Phó Trưởng phòng hành chính, các ông (bà) Nguyễn Xuân D2, Lê Minh T7, Bùi Thị Thu H6, Nguyễn Ngọc H7 và 205 cán bộ, nhân viên Cục Thuế tỉnh Đ, các ông bà Lê Đức P1, Bùi Thị Ngọc D, Hồ Minh S, Phạm Hoàng Q, Trần Văn H1, Bùi Đình H2, Nguyễn Quốc P, Nguyễn An T3, Tô Thị H4, Trần Ngọc T5 và đối tượng dùng tài khoản thư điện tử quatanansuu@gmail.com, Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ điều tra bổ sung 02 lần để làm rõ hành vi, trách nhiệm của họ trong vụ án. Kết quả điều tra bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã kết luận như sau: Đối với hành vi làm lộ bí mật Nhà nước của ông Nguyễn Quốc H5 - Nguyên Cục trưởng, ông Nguyễn Văn L - Phó Trưởng phòng hành chính, các ông (bà) Nguyễn Xuân D2, Lê Minh T7, Bùi Thị Thu H6, Nguyễn Ngọc H7 đều là cán bộ Cục Thuế tỉnh Đ và những người có liên quan tại Cục Thuế tỉnh Đ xảy ra ngày 01/8/2012 đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ có văn bản đề nghị cơ quan

có thẩm quyền kiểm điểm, xem xét trách nhiệm theo quy định là phù hợp. Đối với người sử dụng tài khoản thư điện tử quatanansuu@gmail.com (không rõ họ tên, địa chỉ) và 17 nhân viên của Cục T đã nghỉ chưa làm việc được; hành vi của Lê Đức P1, Bùi Thị Ngọc D, Hồ Minh S Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ tách ra tiếp tục xác minh làm rõ và đề nghị xử lý sau. Đối với Phạm Hoàng Q, Trần Văn H1, Bùi Đình H2, Nguyễn Quốc P, Nguyễn An T3, Tô Thị H4, Trần Ngọc T5 không tán phát hoặc gửi cho người khác nên không đặt ra để xử lý. Do đó, trong phạm vi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi mà Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ. Đối với hành vi của 17 nhân viên Cục Thuế tỉnh Đ đã nghỉ chưa làm việc được; hành vi của Lê Đức P1, Bùi Thị Ngọc D, Hồ Minh S và người sử dụng tài khoản thư điện tử quatanansuu@gmail.com đề nghị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục xác minh làm rõ và đề nghị xử lý sau. Đối với các ông bà Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân D2, Lê Minh T7, Bùi Thị Thu H6, Nguyễn Ngọc H7 đều là cán bộ Cục Thuế tỉnh Đ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý trách nhiệm theo văn bản của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ.

Bản án sơ thẩm đã nhận định rất rõ, do đó bị cáo T5 và Luật sư của bị cáo đề nghị hủy án là không có cơ sở.

[3.4] Tại phiên tòa ngày 02/6/2025, bị cáo T5 trình bày đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, bị cáo cũng chưa nhận được bản án. Do Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chưa nhận được bản án nên việc tổng hợp hình phạt của bị cáo T5 sẽ được giải quyết theo quy định pháp luật.

[3.5] Từ nhận định phân tích nêu trên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 02/6/2025, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và có nhiều tình tiết mới nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Duy Đức T6 và bị cáo Mạc Văn H3, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Duy Đức T6 và bị cáo Mạc Văn H3.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T6 không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận phần đề nghị phù hợp.

[4] Do được chấp nhận kháng cáo, bị cáo Duy Đức T6 và bị cáo Mạc Văn H3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Duy Đức T6. Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Duy Đức T6.

Căn cứ khoản 1 Điều 337, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Duy Đức T6 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù tội “Cố ý làm lộ bí mật Nhà nước”, thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2023.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mạc Văn H3. Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Mạc Văn H3

Căn cứ khoản 1 Điều 337, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Mạc Văn H3 02 (hai) năm tù tội “Cố ý làm lộ bí mật Nhà nước”, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 02/6/2025).

Giao bị cáo Mạc Văn H3 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015; đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2023/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Duy Đức T6 và bị cáo Mạc Văn H3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (để tổng đạt cho bị cáo);
- UBND xã Long An;
- Lưu HSVA (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương